

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27-10- 2017

V/v: Kiện xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Chi.

2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Chị Trần Thị Tú Q, sinh năm 1994.**

* **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1990.**

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị Q, anh D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Trần Thị Tú Q và anh Nguyễn Xuân D kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 7/8/2012 tại UBND xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D thường xuyên đi sớm về muộn, không chăm lo cho gia đình và vợ con, đi đâu, làm gì không cho gia đình biết. Đến tháng 5/2017 chị Q và anh chị chồng biết được anh D đang sống chung cùng một cô gái khác tại phòng trọ ở gần trường C Hà Nam. Sau sự việc đó, gia đình anh D đã khuyên răn nhưng anh D

không thay đổi. Đến giữa tháng 5/2017 chị Q đã xin phép gia đình nhà chồng để đưa con về nhà ngoại ở thôn N 2 – phường Ch – thành phố P – tỉnh Hà Nam. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong suốt thời gian ly thân, anh D thì thoải mái gọi điện về chỉ để hỏi thăm con. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị Q, anh D xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng nên xin được đoàn tụ.

Về con chung: Chị Q và anh D cùng thống nhất, vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/01/2013 (con gái). Trước đây cháu Minh A ở với chị Q, vào ngày 01/9/2017 anh D đã đưa con lên Hà Nội mà không được sự đồng ý của chị Q. Một thời gian sau anh đã gửi con về nhà ông bà nội, hiện nay cháu Minh A đã được chị Q đưa về nhà ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị Q và anh D đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q hiện đang làm tại công ty D.P tại Khu công nghiệp C – thành phố P– Hà Nam, tổng thu nhập hơn 6.000.000đ (sáu triệu)/tháng. Anh D làm công việc tự do, thu nhập không ổn định.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị Q không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Anh D vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

-Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q với anh D. Xử lý hôn giữa chị Q và anh D.

2/ Giao cháu Nguyễn Minh A cho chị Trần Thị Tú Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Minh A.

3/ Về con nuôi, con riêng, tài sản chung, công nợ: Anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử, thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tú Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Xuân D khi mở phiên tòa lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Tòa xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Tú Q và anh Nguyễn Xuân D là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày ngày 7/8/2012 tại UBND xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tú Q, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị Q và anh D đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có một con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D chơi bời không quan tâm đến cuộc sống gia đình và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay là sự thật, được đôi bên thừa nhận; theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vấn đề này Tòa án không phải chứng minh. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, Tòa án và HĐXX đã phân tích, khuyên bảo chị Q về đoàn tụ, nhưng chị Q vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh D. Thực tế cho thấy cuộc hôn nhân giữa chị Q và anh D đã không còn tồn tại, anh D

mặc dù xin đoàn tụ nhưng quá trình hòa giải tại địa phương và Tòa án, anh vắng mặt không có lý do và tại buổi hòa giải ngày 14/9/2017 anh có mặt nhưng cũng không hợp tác cho thấy anh cũng không thật sự muốn đoàn tụ trở lại. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử lý hôn của chị Q và anh D là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung là một con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/01/2013 (con gái). Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị Q và anh D, HĐXX thấy: Nguyên vọng xin nuôi con chung của hai bên là chính đáng nhưng về điều kiện mọi mặt để chăm sóc và nuôi dạy con chung của hai bên, thấy: Hiện nay chị Q có công việc, thu nhập ổn định để đảm bảo về điều kiện vật chất và chỗ ở cho con chung. Anh D làm công việc tự do, thu nhập và thời gian không ổn định. Cháu Minh A hiện nay còn nhỏ (hơn 04 tuổi) rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của người mẹ, còn chị Q với thiên chức, trách nhiệm và sự nhạy cảm của người mẹ dễ gần gũi nắm bắt được tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của con chung hơn. Vì vậy, để không gây xáo trộn đến sự phát triển của trẻ cần giao cháu Minh A cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là phù hợp với thực tế và pháp luật. Chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi cùng chị Q.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị Q không có thai nghén gì.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Tú Q và anh Nguyễn Xuân D.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị Tú Q được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/01/2013 (con gái). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị Q không có thai nghén gì

3/ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Tú Q phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị Q được miễn trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000711 ngày 14/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Q có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã P, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Oanh